



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG  
VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho 06 tháng đầu năm tài chính  
kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	3 - 4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 45



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập Đoàn") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

**1. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 1100414052 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 Nguyễn Trung Trực, Khu Phố 9, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 443.753.850.000 VND.

**2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Bà Phạm Thủy An	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Châu Minh Đạt	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phúc Toại	Tổng Giám đốc – miễn nhiệm ngày 28/03/2014
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc – bổ nhiệm ngày 28/03/2014
Ông Châu Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thủy An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc – miễn nhiệm ngày 01/03/2014
Ông Trần Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

**3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu Phố 9, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho các giai đoạn tài chính tiếp theo của Công ty.

#### 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

#### 6. CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Đến ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 247.414.761.660 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo 6 tháng đầu năm tài chính, Hội đồng quản trị Công ty đã đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn vẫn đảm bảo do Tập đoàn có đủ nguồn tài chính đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Long An, ngày 29 tháng 08 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN QUỐC ĐẠO**







Số: 15.130/BCSXHN-DTL

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập Đoàn") từ trang 5 đến trang 45 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị giới hạn bởi các vấn đề sau:

- 1) Trong năm 2012, Tập đoàn chưa trích khấu hao các công trình đã đưa vào sử dụng nhưng chưa hoàn tất thủ tục nghiệm thu quyết toán với giá trị khấu hao ước tính khoản 30 tỷ VND. Vấn đề đã làm cho chỉ tiêu Giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình vào ngày 01/01/2014 và 30/06/2014 giảm đi khoản 30 tỷ VND và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 01/01/2014 và 30/06/2014 tăng thêm một khoản tương ứng khoản 30 tỷ VND.
- 2) Trong năm 2013, Tập đoàn đã kiện ra tòa để thu hồi các khoản phải thu khó đòi với tổng số dư nợ đến 31 tháng 12 năm 2013 là 74.993.981.869 VND. Tuy nhiên, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn chưa tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi này theo quy định hiện hành với số tiền ước tính là khoản 50,06 tỷ VND, trong đó khoản dự phòng cần trích vào chi phí cho giai đoạn sáu tháng đầu năm kết thúc 30 tháng 06 năm 2013 là 33,8 tỷ VND. Vấn đề này đã ảnh hưởng đến các số liệu so sánh trên báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2014 như sau:
  - Trên Bảng cân đối kế toán ngày 30/06/2014: Chỉ tiêu Dự phòng phải thu khó đòi vào 01/1/2014 và 30/6/2014 đã giảm đi một khoản là 50,06 tỷ VND, chỉ tiêu Tài sản thuế hoãn lại vào ngày 01/1/2014 và 30/6/2014 đã giảm đi là 2,5 tỷ VND, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 01/1/2014 và 30/6/2014 đã tăng thêm một khoản là 47,56 tỷ VND.
  - Trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho 06 tháng đầu năm 2014: Chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ trước đã giảm đi một khoản là 33,8 tỷ VND, chỉ tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ trước đã tăng thêm một khoản tương ứng 33,8 tỷ VND.







- 3) Tại thời điểm kết thúc 06 tháng đầu năm 2014, Tập đoàn chưa kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo quy định khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ với số tiền là 4.569.730.513 VND. Nếu khoản chênh lệch tỷ giá này được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thì chỉ tiêu Chi phí tài chính trong kỳ sẽ tăng lên 4.569.730.513 VND; đồng thời chỉ tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ sẽ giảm xuống một khoản tương ứng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Theo Mục 4.17 trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo mà trong đó có trình bày các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 247.414.761.660 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2014

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**  
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TẶNG QUỐC THẮNG**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0075-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1191-2013-026-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>957.852.434.758</b>	<b>927.209.642.547</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>10.477.203.811</b>	<b>6.544.949.714</b>
1. Tiền	111	5.1	10.477.203.811	6.544.949.714
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5.2</b>	<b>555.251.159.279</b>	<b>511.949.616.577</b>
1. Phải thu khách hàng	131		349.857.973.198	327.883.917.167
2. Trả trước cho người bán	132		97.980.681.372	80.944.760.250
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		137.403.097.580	132.705.397.917
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(29.990.592.871)	(29.584.458.757)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>367.702.121.451</b>	<b>392.304.292.820</b>
1. Hàng tồn kho	141		391.474.489.524	448.510.789.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(23.772.368.073)	(56.206.496.579)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.421.950.217</b>	<b>16.410.783.436</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	3.943.913.385	3.513.202.890
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.373.960.840	4.859.077.305
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	324.325.883	330.522.330
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	5.779.750.109	7.707.980.911

(Phần tiếp theo trang 6)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>933.846.832.942</b>	<b>951.019.457.890</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>743.076.749.561</b>	<b>777.576.533.162</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	600.929.840.645	616.513.095.971
+ Nguyên giá	222		712.143.324.153	718.613.236.089
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.213.483.508)	(102.100.140.118)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.8	14.045.818.190	-
+ Nguyên giá	225		14.045.818.190	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.9	93.567.535.986	111.688.380.286
+ Nguyên giá	228		95.079.386.977	112.419.546.977
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.511.850.991)	(731.166.691)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	34.533.554.740	49.375.056.905
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	5.11	<b>17.340.160.000</b>	-
+ Nguyên giá	241		17.340.160.000	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.12	<b>132.131.640.535</b>	<b>132.139.606.676</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		132.131.640.535	132.139.606.676
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41.298.282.846</b>	<b>41.303.318.052</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	6.210.018.985	7.943.431.593
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	33.360.436.484	32.324.059.082
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.15	1.727.827.377	1.035.827.377
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.891.699.267.700</b>	<b>1.878.229.100.437</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.654.437.996.584</b>	<b>1.616.725.819.490</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.205.267.196.418</b>	<b>1.164.743.174.364</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.16	497.907.558.746	522.089.755.121
2. Phải trả người bán	312	5.17	250.415.484.113	206.982.333.012
3. Người mua trả tiền trước	313	5.17	26.482.247.293	85.055.560.191
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.18	3.342.895.608	7.724.363.449
5. Phải trả người lao động	315		7.168.850.533	10.505.253.334
6. Chi phí phải trả	316	5.19	23.405.123.004	25.735.026.599
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.20	380.148.721.982	290.247.199.719
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.396.315.139	16.403.682.939
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>449.170.800.166</b>	<b>451.982.645.126</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.21	3.854.985.367	5.822.299.778
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.22	434.021.766.328	434.154.218.324
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.23	12.769.373	14.510.651
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.24	11.281.279.098	11.991.616.373
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>236.807.267.072</b>	<b>261.003.658.426</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.25	<b>236.807.267.072</b>	<b>261.003.658.426</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(4.569.730.513)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.640.561.505	19.640.561.505
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.839.181.571	16.839.181.571
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(231.356.595.491)	(211.729.934.650)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	5.26	<b>454.004.044</b>	<b>499.622.521</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.891.699.267.700</b>	<b>1.878.229.100.437</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		35.136.000	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		159.776,33	155.823,93
+ EUR		666,59	667,34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 29 tháng 08 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	739.228.356.717	653.176.835.264
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	44.043.847.065	115.447.474.543
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	695.184.509.652	537.729.360.721
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	629.047.658.334	526.162.381.348
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.136.851.318	11.566.979.373
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.556.475.774	23.405.339.891
7. Chi phí tài chính	22	6.4	32.147.208.787	76.396.548.306
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		28.569.783.605	67.980.324.313
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	32.053.539.745	34.956.304.202
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	22.364.035.093	32.932.875.719
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.871.456.533)	(109.313.408.963)
11. Thu nhập khác	31	6.7	15.719.251.212	103.835.489.964
12. Chi phí khác	32	6.8	18.447.384.348	47.775.454.590
13. Lợi nhuận khác	40		(2.728.133.136)	56.060.035.374
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(7.966.141)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(20.607.555.810)	(53.253.373.589)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		102.842.185	722.055.399
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	(1.046.942.726)	(7.824.479.549)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(19.663.455.269)	(46.150.949.439)
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(45.618.477)	(41.820.474)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		(19.617.836.792)	(46.109.128.965)
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.25.3	(444)	(1.043)

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 29 tháng 08 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(20.607.555.810)	(53.253.373.589)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		20.647.635.221	28.042.269.505
Các khoản dự phòng	03		(32.027.994.392)	(397.158.545)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3.218.072.127	3.757.671.737
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.470.485.591	(19.141.574.889)
Chi phí lãi vay	06		28.569.783.605	67.980.324.313
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>1.270.426.342</b>	<b>26.988.158.532</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.703.434.677)	(92.840.493.839)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		57.036.299.875	(63.726.731.620)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		13.691.497.595	102.542.211.911
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.302.702.113	3.378.225.477
Tiền lãi vay đã trả	13		-	(49.084.705.356)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(485.831.207)	(1.293.205.389)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		160.000.000	6.450.097.490
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(849.367.800)	(3.046.726.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		<b>39.422.292.241</b>	<b>(70.633.169.184)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.847.460.217)	(43.531.411.290)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		12.784.681.067	35.184.636.325
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(60.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.638.826	3.897.039.934
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>5.953.859.676</b>	<b>(4.509.735.031)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	295.739.472.835	904.414.349.392
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(337.193.852.400)	(839.203.593.274)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(45.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(41.454.379.565)</b>	<b>65.210.711.118</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>3.921.772.352</b>	<b>(9.932.193.097)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>6.544.949.714</b>	<b>21.689.041.968</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>10.481.745</b>	<b>489.123</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>10.477.203.811</b>	<b>11.757.337.994</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 29 tháng 08 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 04 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 là 443.753.850.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 Nguyễn Trung Trực, Khu Phố 9, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 07 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 26 (31/12/2013: 43).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp, cho thuê và mượn kho bãi;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại.

#### 1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

##### Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, Thị Trấn Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng Trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, Thị Trấn Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, Thị Trấn Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	149 Nguyễn Văn Cừ, Phường 2, Quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Áp Tân Cường, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Áp Tân Cường, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
----	---	--	------	------

### Công ty con gián tiếp

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty CP Mê Kông	Áp Tân Cường, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	79,74%	79,74%

### 1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30, Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

**4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4.4 Hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối giai đoạn tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### 4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí chờ kết chuyển được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

#### **6 tháng đầu năm 2014**

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	02 năm

#### 4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Nhà máy nước ngầm khu Long Cang và tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.



**4.8 Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**4.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

**4.11 Nguồn vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong giai đoạn tài chính vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập và sử dụng các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu từ chuyển quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**4.13 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.14 Thuế**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
  - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong giai đoạn tài chính hiện hành là 22%.
  - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Dịch vụ xử lý nước thải, nuôi trồng thủy sản không chịu thuế	
+ Thương mại phân bón, mì lát, nông sản, gia công chế biến thủy sản	5%
+ Dịch vụ taxi	10%
+ Thương mại thuốc lá	10%
+ Dịch vụ khác	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

#### 4.15 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

#### 4.17 Khả năng hoạt động liên tục

Đến ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 247.414.761.660 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo 6 tháng đầu năm tài chính, Hội đồng quản trị Công ty đã đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn vẫn đảm bảo do Tập đoàn có đủ nguồn tài chính đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Tập đoàn tiếp tục hoạt động liên tục trong 12 tháng tới.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	3.734.174.114	1.890.989.073
Tiền gửi ngân hàng	6.743.029.697	4.653.960.641
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.477.203.811</b>	<b>6.544.949.714</b>

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	349.857.973.198	327.883.917.167
Trả trước cho người bán	97.980.681.372	80.944.760.250
Các khoản phải thu khác	137.403.097.580	132.705.397.917
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>585.241.752.150</b>	<b>541.534.075.334</b>
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(29.990.592.871)	(29.584.458.757)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>555.251.159.279</b>	<b>511.949.616.577</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu từ hoạt động thương mại	323.673.494.855	288.413.691.353
Phải thu từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	26.184.478.343	39.470.225.814
<b>Cộng</b>	<b>349.857.973.198</b>	<b>327.883.917.167</b>

(Phần tiếp theo ở trang 19)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Trả trước cho người bán được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước hoạt động thi công	4.804.731.713	13.865.257.040
Trả trước hoạt động thương mại	72.694.823.337	8.003.322.433
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	20.104.742.322	58.808.684.325
Các khoản trả trước khác	376.384.000	267.496.452
<b>Cộng</b>	<b>97.980.681.372</b>	<b>80.944.760.250</b>

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền cho mượn	87.613.799.097	85.248.160.511
Phải thu tiền lãi cho mượn tạm	42.030.466.212	42.030.466.211
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.165.983.837	1.173.243.837
Phải thu thuế nhập khẩu được hoàn	904.450.380	904.450.380
Ứng trước tiền liên kết nuôi thủy sản	-	1.207.787.525
Phải thu Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy – Xem thêm mục 8	542.000.000	542.000.000
Khác	5.146.398.054	1.599.289.453
<b>Cộng</b>	<b>137.403.097.580</b>	<b>132.705.397.917</b>

**5.3. Hàng tồn kho**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	600.495.680	457.050.460
Nguyên liệu, vật liệu	3.871.096.560	5.370.692.155
Công cụ, dụng cụ	4.602.537.259	5.549.794.164
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	107.545.791.662	110.650.612.846
Thành phẩm	248.219.663.961	299.700.193.046
Hàng hóa	26.634.904.402	26.773.126.942

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Hàng gửi bán	-	9.319.786
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>391.474.489.524</b>	<b>448.510.789.399</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(23.772.368.073)	(56.206.496.579)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>367.702.121.451</b>	<b>392.304.292.820</b>
<b>5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
		VND
	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.660.145.842	2.225.565.824
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	601.579.533	737.037.839
Khác	682.188.010	550.599.227
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.943.913.385</b>	<b>3.513.202.890</b>
<b>5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
		VND
	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	309.895.041	317.747.686
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	13.862.000	12.205.802
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	568.842	568.842
<b>Tổng cộng</b>	<b>324.325.883</b>	<b>330.522.330</b>
<b>5.6. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
		VND
	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Tạm ứng	3.554.230.798	5.503.459.179
Kỳ quỹ, ký cược ngắn hạn	2.225.519.311	2.204.521.732
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.779.750.109</b>	<b>7.707.980.911</b>

(Phần tiếp theo trang 21)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**5.7. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>VND</b>						
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	408.644.773.025	171.592.516.088	133.853.649.660	1.411.690.232	3.110.607.084	718.613.236.089
Tăng trong kỳ	-	1.870.724.427	189.833.740	-	229.137.000	2.289.695.167
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.882.444.552	2.357.267.349	57.294.825	-	890.626.400	16.187.633.126
Thanh lý, nhượng bán	-	(476.585.000)	(24.367.917.368)	-	-	(24.844.502.368)
Giảm khác	-	(40.000.000)	(18.976.000)	(43.761.861)	-	(102.737.861)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>421.527.217.577</b>	<b>175.303.922.864</b>	<b>109.713.884.857</b>	<b>1.367.928.371</b>	<b>4.230.370.484</b>	<b>712.143.324.153</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	17.078.991.121	30.870.557.529	51.928.886.980	1.346.964.432	874.740.056	102.100.140.118
Khấu hao trong kỳ	4.764.389.431	6.698.138.587	8.130.443.286	19.890.786	254.088.831	19.866.950.921
Thanh lý, nhượng bán	-	(286.931.866)	(10.400.446.749)	-	-	(10.687.378.615)
Giảm khác	-	(15.238.100)	(7.228.955)	(43.761.861)	-	(66.228.916)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>21.843.380.552</b>	<b>37.266.526.150</b>	<b>49.651.654.562</b>	<b>1.323.093.357</b>	<b>1.128.828.887</b>	<b>111.213.483.508</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

### Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	391.565.781.904	140.721.958.559	81.924.762.680	64.725.800	2.235.867.028	616.513.095.971
Tại ngày cuối kỳ	<u>399.683.837.025</u>	<u>138.037.396.714</u>	<u>60.062.230.295</u>	<u>44.835.014</u>	<u>3.101.541.597</u>	<u>600.929.840.645</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 542.218.023.243 VND – Xem thêm mục 5.16 và 5.22

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.598.855.843 VND.

### 5.8. Tài sản cố định thuê tài chính

Là khoản thuê tài chính xe ô tô theo hợp đồng tín dụng số SBL010201405009 ngày 23/05/2014 của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Việt Nam.

### 5.9. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị các quyền sử dụng đất như sau:

- + Quyền sử dụng đất Nhà máy nước ngầm tại số 68 Nguyễn Trung Trực, Long An. Giá trị quyền sử dụng đất này đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long tại ngân hàng TMCP Vietcombank theo hợp đồng tín dụng số 0016/TDC/14LD ngày 10 tháng 2 năm 2014 – Xem thêm mục 5.16
- + Quyền sử dụng đất không thời hạn tại Khu Long Cang, nguyên giá tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 21.639.163.000 VND. Giá trị các quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho các khoản vay ở ngân hàng – Xem thêm mục 5.16 và 5.22
- + Quyền sử dụng đất tại các Khu nuôi trồng, Nhà máy thức ăn và các Khu quy hoạch nuôi trồng thủy sản, nguyên giá tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 68.090.223.977 VND. Giá trị các quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho các khoản vay ở ngân hàng – Xem thêm mục 5.16 và 5.22

(Phần tiếp theo ở trang 23)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	173.218.403	173.218.403
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.628.173.443	4.628.173.443
Nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	29.566.168.563	44.129.539.393
Khác	165.994.331	444.125.666
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.533.554.740</b>	<b>49.375.056.905</b>

**5.11. Bất động sản đầu tư**

Là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ 281 – 283 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TPHCM, Việt nam. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng – Xem thêm mục 5.16

**5.12. Đầu tư tài chính dài hạn**

Là khoản góp vốn vào Công ty TNHH SX TM Thanh Thy với tỷ lệ góp vốn chiếm 30% vốn chủ sở hữu.

**5.13. Chi phí trả trước dài hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.456.922.494	3.926.864.229
Chi phí cải tạo ao, nhà kho	1.188.526.268	1.295.761.976
Chi phí thuê đất	432.104.800	460.911.786
Chi phí sửa chữa lớn	244.454.070	-
Khác	1.888.011.353	2.259.893.602
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.210.018.985</b>	<b>7.943.431.593</b>

(Phần tiếp theo ở trang 24)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**5.14. Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.531.999.397	3.520.636.815
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến việc chuyển lỗ phát sinh trong năm	29.667.778.955	28.626.103.726
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	160.658.132	177.318.541
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.360.436.484</b>	<b>32.324.059.082</b>

**5.15. Tài sản dài hạn khác**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Đặt cọc thuê nhà xưởng, bến đậu	192.100.000	192.100.000
Kỳ quỹ chống bán phá giá cho bên Hoa Kỳ	843.727.377	843.727.377
Kỳ quỹ thuế tài chính	692.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.727.827.377</b>	<b>1.035.827.377</b>

**5.16. Vay ngắn hạn**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	493.107.558.746	517.539.755.121
Vay đối tượng khác	4.800.000.000	4.550.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>497.907.558.746</b>	<b>522.089.755.121</b>

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất từ 9%/năm đối với VND, 5%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang, Huyện Cần Đước, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23 tháng 03 năm 2011
- 7.400.658 cổ phiếu HLG được phát hành bởi Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long trị giá 189.456.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009
- Các tài sản thế chấp cho ngân hàng PG Bank ứng với hợp đồng tín dụng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PCB ngày 29/03/2011. Trị giá tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tương ứng là 425.506.492.000 đồng.
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các khoản phải thu, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Vay đối tượng khác dưới hình thức tín chấp với lãi suất 16,8%/năm.

**5.17. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	250.415.484.113	206.982.333.012
Người mua trả tiền trước	26.482.247.293	85.055.560.191
<b>Tổng cộng</b>	<b>276.897.731.406</b>	<b>292.037.893.203</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Phải trả cho người bán được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	1.705.331.000	1.705.331.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nỏ	11.638.871.218	6.887.998.390
Phải trả hoạt động thương mại	22.364.175.684	16.337.038.748
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	194.899.254.392	134.040.132.417
Phải trả về hoạt động thi công	686.297.251	1.179.065.127
Phải trả tiền tạm mượn Ông Phạm Phúc Toại – Xem thêm mục 8	551.094.000	-
Khác	18.570.460.568	46.832.767.330
<b>Tổng cộng</b>	<b>250.415.484.113</b>	<b>206.982.333.012</b>

Người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	1.784.895.030	1.882.223.538
Hoạt động thi công	17.349.443.734	24.882.472.108
Hoạt động thương mại	7.095.394.229	55.463.057.990
Khác	252.514.300	2.827.806.555
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.482.247.293</b>	<b>85.055.560.191</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**5.18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.467.521.490	3.761.191.920
Thuế thu nhập doanh nghiệp	453.088.784	843.930.451
Thuế thu nhập cá nhân	708.918.864	848.690.448
Thuế tài nguyên	20.782.615	17.590.446
Các khoản phí, lệ phí	-	2.251.869.839
Các loại thuế khác	692.583.855	1.090.345
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.342.895.608</b>	<b>7.724.363.449</b>

**5.19. Chi phí phải trả**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí khấu hao tài sản đã sử dụng	690.000.000	1.580.177.534
Trích trước lương phải trả	-	827.875.000
Trích trước chi phí điện	503.740.600	2.719.013.700
Trích trước chi phí lãi vay	1.260.523.407	823.421.782
Trích trước chi phí thuê văn phòng	900.000.000	-
Trích trước chi phí vận chuyển	781.072.680	-
Chi phí phải trả khác	755.995.810	1.270.748.076
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.405.123.004</b>	<b>25.735.026.599</b>

**5.20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.888.137.436	1.675.318.132
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	6.194.667.932	4.387.763.909
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.161.000	80.161.000
Phải trả công ty TNHH Thanh Thy – xem thêm mục 8	5.672.440.691	8.387.443.935



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Phải trả tiền mượn cho ông Phạm Phúc Toại – Xem thêm mục 8	910.117.598	697.800.239
Phải trả tiền mượn cho ông Phạm Hoàng Long – Xem thêm mục 8	198.246.000	198.246.000
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	532.066.430	552.494.100
Phải trả tiền lãi vay	89.558.219.449	28.718.007.739
Phải trả tiền mượn các đối tượng khác	271.544.389.805	242.487.014.558
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.570.275.641	3.062.950.107
<b>Tổng cộng</b>	<b>380.148.721.982</b>	<b>290.247.199.719</b>

**5.21. Phải trả dài hạn khác**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ của tài xế taxi	3.344.985.367	5.322.299.778
Nhận ký quỹ bán hàng	510.000.000	500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.854.985.367</b>	<b>5.822.299.778</b>

**5.22. Vay và nợ dài hạn**

Là khoản vay ngân hàng với lãi suất từ 12,4%/năm đến 13,8%/năm đối với VND và 6,0%/năm đến 7,5%/năm đối với USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm:

- 7.400.658 cổ phiếu HLG theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Xe ô tô KIA CARENS, KIAMORNING theo các hợp đồng thế chấp sau: hợp đồng 3001/2011/HĐTC-DN.HCM ngày 08/01/2011, hợp đồng 8412/2010/HĐTC-DN.HCM, hợp đồng 1905/2011/HĐTC-DN.HCM ngày 20/05/2011, hợp đồng 03.20.2011.00202 TSTC/VCBNSG ngày 8/9/2011 và hợp đồng tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay cho ngân hàng Shinhan
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà xưởng, thiết bị thuộc dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 277/2009/HĐTC/PGB ngày 22/07/2009
- Diện tích đất trồng lúa tại huyện Tam Nông và huyện Thanh Bình

**5.23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Là khoản thuế phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho.

**5.24. Doanh thu chưa thực hiện**

Là tiền khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**5.25. Vốn chủ sở hữu****5.25.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND	
		Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	443.753.850.000	517.334.880.120
Lợi nhuận trong năm trước	-	(261.201.438.552)
Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	(27.541.274)
Trích lập quỹ khen thưởng	-	(30.601.421)
Tặng do thanh lý Công ty CP Thanh Mỹ	-	4.900.863.279
Chia cổ tức	-	(45.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>261.003.658.426</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	(19.617.836.792)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(4.569.730.513)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	(45.618.477)
Tặng khác	-	(8.824.049)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>236.807.267.072</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**5.25.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

**5.25.3. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi / (Lỗ) hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	(19.617.836.792)	(46.109.128.965)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	44.225.385	44.225.385
<b>Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>(444)</b>	<b>(1.043)</b>

**5.26. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	499.622.521	375.364.253
Tăng do đầu tư vào công ty CP Me Kong	-	2.814.273.113
Giảm lỗ do thanh lý công ty Thanh Mỹ	-	51.606.741
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(45.618.477)	(41.820.474)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>454.004.044</b>	<b>3.199.423.633</b>

(Phần tiếp theo ở trang 30)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	120.291.804.203	47.473.035.725
Doanh thu hoạt động thi công	14.691.800.383	6.961.732.671
Doanh thu kinh doanh bất động sản	38.937.163.636	675.551.818
Doanh thu cung cấp dịch vụ	419.945.996	362.585.829
Doanh thu cung cấp nước	3.924.855.425	4.442.637.366
Doanh thu dịch vụ taxi	43.734.782.102	69.290.878.148
Doanh thu hoạt động chế biến thủy sản	516.850.814.061	518.584.358.762
Doanh thu khác	377.190.911	5.386.054.945
Các khoản giảm trừ doanh thu	(44.043.847.065)	(115.447.474.543)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>695.184.509.652</b>	<b>537.729.360.721</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	118.791.692.812	44.817.033.112
Giá vốn hoạt động thi công	14.425.627.951	6.771.117.884
Giá vốn hoạt động bất động sản	411.356.780	(191.146.532)
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	600.000.000	282.673.140
Giá vốn hoạt động cung cấp nước	2.498.937.531	2.478.616.089
Giá vốn dịch vụ taxi	34.423.189.590	56.356.737.241
Giá vốn hoạt động chế biến thủy sản	457.519.662.759	411.013.108.213
Giá vốn hoạt động khác	377.190.911	4.634.242.201
<b>Tổng cộng</b>	<b>629.047.658.334</b>	<b>526.162.381.348</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.638.827	22.161.373.267
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.532.598.956	1.026.699.302
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	830.589	217.267.322
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.407.402	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.556.475.774</b>	<b>23.405.339.891</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	28.569.783.605	67.980.324.313
Lỗ do thanh lý công ty con	-	51.606.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	299.376.209	4.297.454.443
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.218.902.716	3.974.939.059
Chi phí tài chính khác	59.146.257	92.223.750
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.147.208.787</b>	<b>76.396.548.306</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	914.917.582	3.340.141.740
Chi phí công cụ, đồ dùng, vật liệu, bao bì	6.986.815.732	8.952.637.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.951.024	232.506.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.051.420.748	21.529.809.720
Chi phí bằng tiền khác	4.082.434.659	901.208.535
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.053.539.745</b>	<b>34.956.304.202</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	11.791.515.123	17.805.401.550
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	496.845.454	1.936.387.250
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.028.505.484	2.147.839.799
Thuế, phí và lệ phí	166.274.198	579.999.636
Chi phí dự phòng	509.839.614	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.105.773.667	3.893.760.672
Chi phí bằng tiền khác	4.265.281.553	6.569.486.812
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.364.035.093</b>	<b>32.932.875.719</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi do đầu tư vào công ty con	-	5.079.420.000
Thu nhập từ bán phế liệu	731.925.563	8.659.632.581
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	12.784.681.067	35.273.636.325
Thu nhập từ quyết toán vùng nuôi	-	10.972.374.725
Thu nhập từ xử lý hàng tồn kho	-	41.257.981.861
Thu lãi trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	266.148.429	525.643.670
Xử lý công nợ	180.851.307	600.000.000
Thu nhập từ quỹ hỗ trợ tai nạn và quỹ sửa chữa	535.539.569	860.813.417
Thu nhập khác	1.220.105.277	605.987.385
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.719.251.212</b>	<b>103.835.489.964</b>

(Phần tiếp theo ở trang 33)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

**6.8. Chi phí khác**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	427.683.413	146.711.600
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	14.271.805.485	43.321.247.962
Chi phí liên kết nuôi thủy sản	436.659.882	3.773.773.154
Chi phí xử lý hàng tồn kho	2.853.051.461	-
Chi phí khác	458.184.107	533.721.874
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.447.384.348</b>	<b>47.775.454.590</b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong kỳ này và năm trước được trình bày như sau:

	VND				
	Trích trước chi phí Công trình Long Kim 2	Lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh	Trích trước chi phí Khu biệt thự Anh Thạnh	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	(3.526.679.708)	-	(7.139.034.378)	(230.352.152)	(10.896.066.238)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	6.042.893	(28.626.103.726)	7.139.034.378	38.024.624	(21.443.001.831)
Điều chỉnh số đầu năm trước do thay đổi thuế suất	-	-	-	15.008.987	15.008.987
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>(3.520.636.815)</b>	<b>(28.626.103.726)</b>	<b>-</b>	<b>(177.318.541)</b>	<b>(32.324.059.082)</b>
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	(11.362.582)	(1.041.675.229)	-	20.605.733	(1.032.432.078)
Điều chỉnh số đầu năm trước do thay đổi thuế suất	-	-	-	8.824.049	8.824.049
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>(3.531.999.397)</b>	<b>(29.667.778.955)</b>	<b>-</b>	<b>(147.888.759)</b>	<b>(33.347.667.111)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại	33.360.436.484	32.324.059.082
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(12.769.373)	(14.510.651)
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.347.667.111</b>	<b>32.309.548.431</b>

**6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	485.765.442.266	525.580.037.712
Chi phí nhân công	59.952.618.820	74.594.742.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.647.635.221	28.042.269.505
Chi phí dự phòng	509.839.614	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.203.187.314	30.816.331.931
Chi phí khác bằng tiền	17.662.937.128	11.328.034.853
<b>Tổng cộng</b>	<b>628.741.660.363</b>	<b>670.361.416.498</b>

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất, thương mại
- Thi công, xây lắp
- Dịch vụ taxi
- Bất động sản
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản
- Hoạt động khác

(Phần tiếp theo ở trang 35)



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Lĩnh vực	Thương mại	Thi công	Bất động sản	Dịch vụ Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	120.291.804.203	14.691.800.383	422.806.493	43.684.770.913	511.371.335.328	4.721.992.332	695.184.509.652
Giá vốn	118.791.692.812	14.425.627.951	411.356.780	34.423.189.590	457.519.662.759	3.476.128.442	629.047.658.334
Lãi gộp	1.500.111.391	266.172.432	11.449.713	9.261.581.323	53.851.672.569	1.245.863.890	66.136.851.318
Lãi từ hoạt động bán hàng	<u>(1.980.809.216)</u>	<u>(550.213.405)</u>	<u>(476.198.347)</u>	<u>2.031.827.632</u>	<u>11.733.323.932</u>	<u>961.345.884</u>	<u>11.719.276.480</u>
Doanh thu tài chính	10.321.846	-	-	3.848.874	2.542.305.054	-	2.556.475.774
Chi phí tài chính	17.635.171.960	-	-	1.575.831.342	12.936.205.485	-	32.147.208.787
Lợi nhuận tài chính	<u>(17.624.850.114)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(1.571.982.468)</u>	<u>(10.393.900.431)</u>	<u>-</u>	<u>(29.590.733.013)</u>
Thu nhập khác	662.115.932	-	-	13.662.069.488	1.394.660.791	405.001	15.719.251.212
Chi phí khác	846.181.513	-	-	13.756.041.429	3.845.161.406	-	18.447.384.348
Lợi nhuận khác	<u>(184.065.581)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(93.971.941)</u>	<u>(2.450.500.615)</u>	<u>405.001</u>	<u>(2.728.133.136)</u>
Lỗ từ hoạt động liên doanh	-	-	-	-	-	(7.966.141)	(7.966.141)
Tổng lợi nhuận trước thuế	<u>(20.275.352.337)</u>	<u>(550.213.405)</u>	<u>9.429.079</u>	<u>365.873.223</u>	<u>(1.111.077.114)</u>	<u>953.784.744</u>	<u>(20.607.555.810)</u>
Thuế TNDN	<u>(1.233.360.531)</u>	<u>-</u>	<u>327.969.387</u>	<u>178.524.137</u>	<u>(217.233.534)</u>	<u>-</u>	<u>(944.100.541)</u>
Lợi nhuận sau thuế	<u>(19.041.991.806)</u>	<u>(550.213.405)</u>	<u>(318.540.308)</u>	<u>187.349.086</u>	<u>(893.843.580)</u>	<u>953.784.744</u>	<u>(19.663.455.269)</u>
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(45.618.477)	-	(45.618.477)
Lợi ích của cty mẹ	<u>(19.041.991.806)</u>	<u>(550.213.405)</u>	<u>(318.540.308)</u>	<u>187.349.086</u>	<u>(848.225.103)</u>	<u>953.784.744</u>	<u>(19.617.836.792)</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	2.490.435.978.652	272.560.894.375	(904.658.041.811)	1.858.338.831.216
Tài sản không phân bổ	-	-	-	33.360.436.484
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.490.435.978.652</b>	<b>272.560.894.375</b>	<b>(904.658.041.811)</b>	<b>1.891.699.267.700</b>
Nợ phải trả bộ phận	2.251.013.032.770	13.927.154.225	(610.514.959.784)	1.654.425.227.211
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	12.769.373
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.251.013.032.770</b>	<b>13.927.154.225</b>	<b>(610.514.959.784)</b>	<b>1.654.437.996.584</b>

(Phần tiếp theo ở trang 37)



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Lĩnh vực	Thương mại	Thi công	Bất động sản	DV Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	VND
Doanh thu thuần	47.473.035.725	6.961.732.671	(99.773.626.493)	69.243.628.252	503.633.312.426	10.191.278.140	537.729.360.721
Giá vốn	44.817.033.112	6.771.117.884	(49.060.285.147)	56.356.737.241	459.882.246.828	7.395.531.430	526.162.381.348
Lãi gộp	2.656.002.613	190.614.787	(50.713.341.346)	12.886.891.011	43.751.065.598	2.795.746.710	11.566.979.373
Lãi từ hoạt động bán hàng	(4.328.211.780)	(72.350.416)	(50.713.341.346)	1.608.975.403	(2.464.569.421)	(352.702.988)	(56.322.200.548)
Doanh thu tài chính	296.420.620	11.256.124.094	-	14.343.293	981.484.559	10.856.967.325	23.405.339.891
Chi phí tài chính	20.662.448.232	11.683.116.477	-	2.822.463.082	29.960.835.687	11.267.684.828	76.396.548.306
Lợi nhuận tài chính	(20.366.027.612)	(426.992.383)	-	(2.808.119.789)	(28.979.351.128)	(410.717.503)	(52.991.208.415)
Thu nhập khác	993.772.094	55.995.553	-	35.743.341.920	66.867.575.313	174.805.084	103.835.489.964
Chi phí khác	261.493.588	-	126.330.553	42.003.994.623	4.775.525.337	608.110.489	47.775.454.590
Lợi nhuận khác	732.278.506	55.995.553	(126.330.553)	(6.260.652.703)	62.092.049.976	(433.305.405)	56.060.035.374
Tổng LN trước thuế	(23.961.960.886)	(443.347.246)	(50.839.671.899)	(7.459.797.089)	30.648.129.427	(1.196.725.896)	(53.253.373.589)
Thuế TNDN	(832.268.797)	-	(4.915.915.570)	(1.838.558.741)	295.859.412	188.459.546	(7.102.424.150)
Lợi nhuận sau thuế	(23.129.692.089)	(443.347.246)	(45.923.756.329)	(5.621.238.348)	30.352.270.015	(1.385.185.442)	(46.150.949.440)
Lợi ích CĐ TS	-	-	-	-	(14.849.481)	(26.970.993)	(41.820.474)
Lợi ích của cty mẹ	(23.129.692.089)	(443.347.246)	(45.923.756.329)	(5.621.238.348)	30.367.119.496	(1.358.214.449)	(46.109.128.966)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau :

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	3.650.500.063.644	165.652.861.931	(1.318.040.999.299)	2.498.111.926.276
Tài sản không phân bổ	-	-	-	13.408.783.054
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.650.500.063.644</b>	<b>165.652.861.931</b>	<b>(1.318.040.999.299)</b>	<b>2.511.520.709.330</b>
Nợ phải trả bộ phận	2.806.242.201.593	1.598.222.722	(774.371.591.322)	2.033.468.832.993
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	14.510.651
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.806.242.201.593</b>	<b>1.598.222.722</b>	<b>(774.371.591.322)</b>	<b>2.033.483.343.644</b>

(Phần tiếp theo ở trang 39)



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

**Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014**

	Trong nước	Nước Ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	436.238.361.187	293.387.372.335	(34.441.223.870)	695.184.509.652
Giá vốn	403.490.444.790	258.434.961.965	(32.877.748.421)	629.047.658.334
Chi phí bán hàng	15.133.755.557	17.737.966.006	(818.181.818)	32.053.539.745
Chi phí QLDN	17.007.797.342	6.101.103.267	(744.865.516)	22.364.035.093
<b>Kết quả của bộ phận</b>	<b>311.887.117.506</b>	<b>(300.167.412.911)</b>	<b>(428.115)</b>	<b>11.719.276.480</b>
Thu nhập tài chính				2.556.475.774
Chi phí tài chính				(32.147.208.787)
Thu nhập khác				15.719.251.212
Chi phí khác				(18.447.384.348)
Lỗ từ hoạt động liên doanh				(7.966.141)
Thuế TNDN				(944.100.541)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(45.618.477)
<b>Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ</b>				<b>(19.617.836.792)</b>

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

	Trong nước	Nước Ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	356.932.438.221	256.530.644.643	(75.733.722.143)	537.729.360.721
Giá vốn	352.654.864.105	253.456.312.563	(79.948.795.320)	526.162.381.348
Chi phí bán hàng	20.512.424.787	14.742.469.415	(298.590.000)	34.956.304.202
Chi phí QLDN	19.272.847.219	13.851.573.552	(191.545.052)	32.932.875.719
<b>Kết quả bộ phận</b>	<b>(35.507.697.890)</b>	<b>(25.519.710.887)</b>	<b>4.705.208.229</b>	<b>(56.322.200.548)</b>
Thu nhập tài chính				23.405.339.891
Chi phí tài chính				(76.396.548.306)
Thu nhập khác				103.835.489.964
Chi phí khác				(47.775.454.590)
Thuế TNDN				(7.102.424.150)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(41.820.474)
<b>Lợi nhuận sau thuế của CD mẹ</b>				<b>(46.109.128.965)</b>

(Phần tiếp theo ở trang 41)



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

### 8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên công ty hoặc cá nhân</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch HĐQT
2. Ông Phạm Hoàng Long	Con của Chủ tịch HĐQT
3. Bà Phạm Thúy An	Con của Chủ tịch HĐQT
4. Bà Phạm Huyền Trang	Con của Chủ tịch HĐQT
5. Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	Công ty liên kết

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.12	542.000.000	542.000.000
Phải trả - Xem thêm mục 5.17 và 5.20	(7.331.898.289)	(9.283.490.174)

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	1.719.243.191	942.616.104

- Thu nhập của Ban Giám đốc công ty mẹ:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc của công ty mẹ	753.976.000	662.060.154
<b>Tổng cộng</b>	<b>753.976.000</b>	<b>662.060.154</b>

(Phần tiếp theo ở trang 42)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

### 9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.477.203.811	6.544.949.714
Phải thu khách hàng và phải thu khác	449.511.645.636	426.785.872.657
Tài sản tài chính khác	3.953.346.688	3.240.349.109
<b>Cộng</b>	<b>463.942.196.135</b>	<b>436.571.171.480</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	931.929.325.047	956.243.973.445
Phải trả người bán và phải trả khác	622.766.110.453	493.925.800.361
Chi phí phải trả	23.405.123.004	25.735.026.599
<b>Cộng</b>	<b>1.578.100.558.504</b>	<b>1.475.904.800.405</b>

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

- **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	VND			
	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	37.346.859,64	39.013.430,68	7.332.790,93	8.227.868,25
<i>Euro (EUR)</i>	-	766,59	-	667,34

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tập đoàn chịu rủi ro trong yếu tố về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

*Rủi ro về giá*

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

- **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
30/06/2014			
Các khoản vay	497.907.558.746	434.021.766.328	931.929.325.047
Phải trả người bán và phải trả khác	618.830.964.086	3.854.985.367	622.685.949.453
Chi phí phải trả	23.405.123.004	-	23.405.123.004
01/01/2014			
Các khoản vay	522.089.755.121	434.154.218.324	956.243.973.445
Phải trả người bán và phải trả khác	488.103.500.583	5.822.299.778	493.925.800.361
Chi phí phải trả	25.735.026.599	-	25.735.026.599

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
30/06/2014			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	449.511.645.636	-	449.511.645.636
Tài sản tài chính khác	2.225.519.311	1.727.827.377	3.953.346.688
01/01/2014			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	426.785.872.657	-	426.785.872.657
Tài sản tài chính khác	2.204.521.732	1.035.827.377	3.240.349.109



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

### 10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

### 11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 08 năm 2014.

Long An, ngày 29 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ KHẢ HÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO